

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2022/HNGĐ-ST.  
Ngày: 22-8-2022.  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Bình.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Đức Chung và bà Lê Thị Ánh Sáng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thuỳ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 755/2021/TLST-HNGĐ ngày 29/12/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73A/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D, anh M vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, chị Phạm Thị D trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Hoàng M về chung sống với nhau từ năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 22, quyền số 01/2011 ngày 25/3/2011. Hôn nhân giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó luôn phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau, theo chị anh M không quan tâm đến gia đình, làm mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng, đặc biệt từ tháng đầu năm 2021 đến nay. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Từ khi sống ly thân không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm gì đến nhau mà mạnh ai người đó sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng

không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 30/5/2012.

Sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Q, tạm thời không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Chị xác định chị có đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung đó là có công việc ổn định, thu nhập ổn định, có chỗ ở ổn định... Nên có đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung. Đồng thời từ khi anh chị sống ly thân đến nay con chung do chị nuôi dưỡng và cháu vẫn phát triển khoẻ mạnh, bình thường.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng M đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng, bị đơn triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

Về thẩm quyền giải quyết: Chị D có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn với Anh Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn chị D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh M được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định.

## **[2] Về nội dung vụ án:**

**2.1.** Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh M tự nguyện yêu thương chung sống, đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 0I/2001, quyền số 0I ngày 02/01/2002 theo đúng quy định tại các điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của anh, chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

### **2.2.** Xét yêu cầu ly hôn của chị D xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án chị D cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã ngày càng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng đầu năm 2021 đến nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không còn quý trọng, chăm sóc giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó, bỏ mặc người còn lại muốn sống ra sao thì sống. Nay chị kiên quyết ly hôn.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Điều này cho thấy anh M không còn quan tâm đến đời sống hôn nhân với chị D.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn với anh M là có cơ sở để chấp nhận.

**2.3.** Về con chung: Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 30/5/2012, tạm thời không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Chị D xác định chị có đủ các điều kiện để chị trực tiếp nuôi dưỡng, cháu vẫn phát triển khoẻ mạnh bình thường. Tại lời khai của cháu Q thì sau khi ba mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với chị D.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn anh M không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có ý kiến, yêu cầu về con chung. Từ đó cho thấy, anh M không có nguyện vọng về việc nuôi dưỡng con chung. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu chị D về con chung là có cơ sở để chấp nhận.

Do đó, xét cần giao con chung cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

**2.4.** Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**2.5.** Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**[3] Về án phí sơ thẩm:** Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc chị D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của HĐXX nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 9, 11, 12 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị D về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Cho chị Phạm Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng M.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoàng Q, sinh ngày 30/5/2012. Tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Minh thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo biên lai thu số 0005111 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị D đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị D, anh Nguyễn Hoàng M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- UBND xã Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Long Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bình**



